

**QUYẾT ĐỊNH
Về mức thu phí vệ sinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2010/NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 83/2006/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quyết định danh mục và mức thu phí, lệ phí;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Về mức thu phí vệ sinh

1. Thực hiện theo Nghị quyết số 17/2010/NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 83/2006/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quyết định danh mục và mức thu phí, lệ phí, cụ thể như sau:

a) Đối với phí vệ sinh

STT	PHÍ VỆ SINH	MỨC THU
1	Các cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ quan Đảng, Đoàn thể - Trụ sở nằm độc lập - Trụ sở cơ quan nằm chung một khuôn viên, thì mỗi đơn vị thu	30.000 đồng/tháng 20.000 đồng/tháng
2	Đối với trường học (từ mẫu giáo đến đại học, bao gồm cả trường dạy nghề, đơn vị công lập và bán công): - Trường dưới 10 phòng - Trường từ 10 đến 20 phòng - Trường trên 20 phòng	30.000 đồng/tháng 50.000 đồng/tháng 80.000 đồng/tháng
3	Đối với bệnh viện	120.000 đồng/m ³

4	Đối với trụ sở, văn phòng công ty, xí nghiệp nằm độc lập	100.000 đồng/tháng
5	Đối với công ty, xí nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ	160.000 đồng/m ³
6	Đối với nhà trọ, mỗi phòng thu	5.000 đồng/tháng
7	Đối với nhà hàng, khách sạn, cửa hàng kinh doanh ăn uống, nhà ga, bến tàu, bến xe, chợ	160.000 đồng/m ³
8	Đối với hộ: - Buôn bán cố định (kể cả các hộ buôn bán cố định tại các chợ)	30.000 đồng/tháng
	- Buôn bán lẻ khác	20.000 đồng/tháng
9	Đối với hộ gia đình không sản xuất, không kinh doanh:	
	- Hộ nhà mặt tiền - Hộ nhà trong hẻm	15.000 đồng/tháng 10.000 đồng/tháng

b) Đối với phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất

“Miễn phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu”.

2. Đối với mức thu phí vệ sinh tính theo đồng/mét khối (m³), đơn vị thu phí đảm bảo chi phí toàn bộ từ khâu thu gom, vận chuyển và xử lý rác.

3. Đối với mức thu phí vệ sinh tính theo đồng/tháng, đơn vị thu phí đảm bảo khâu thu gom rác. Phần vận chuyển và xử lý rác chi phí do ngân sách nhà nước đảm bảo.

Điều 2. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí vệ sinh

Thực hiện theo Quyết định số 42/2009/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định mức thu phí chợ; phí qua phà, qua đò; phí trông giữ xe; phí sử dụng lề đường, bến bãi, mặt nước; phí vệ sinh và phí xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau mười ngày và đăng báo Cần Thơ chậm nhất là năm ngày, kể từ ngày ký;

Bãi bỏ mục V (Phí vệ sinh) tại Danh mục và mức thu phí chợ; phí qua phà, qua đò; phí trông giữ xe; phí sử dụng lề đường, bến bãi, mặt nước; phí vệ sinh và phí xây dựng trên địa bàn thành phố Cần Thơ ban hành kèm theo Quyết định số 42/2009/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc sở, Thủ trưởng các cơ quan ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Võ Thành Thống